

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 01- 2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc

2. Bà Lý Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh: Bà Nguyễn Thị Lượng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông L1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn L1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Hậu

Giang vào ngày 28 tháng 8 năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông **L1** thường xuyên đi nhậu nhẹt, không phụ giúp công việc gia đình và có những lời lẽ xúc phạm, chửi và đánh đập bà, kinh tế gia đình một mình bà gánh vác. Bà đã cho ông **L1** nhiều cơ hội để thay đổi tính tình nhưng ông **L1** không thay đổi. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân này, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn L1**.

- Về con chung: Có 01 con chung **Nguyễn Hữu T** (giới tính: Nam), sinh ngày 05/7/2020. Hiện nay, con chung đang sống cùng ông **L1** và bà nội. Khi ly hôn, bà đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông **L1** nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông **Nguyễn L1***: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho ông **Nguyễn L1**. Nhưng ông **L1** không đến Tòa án để có ý kiến trình bày.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà **L** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông **L1** vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **L**, cho bà **L** và ông **L1** được ly hôn; về con chung tiếp tục giao cho ông **L1** nuôi dưỡng và các vấn đề khác đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Phạm Thị L** khởi kiện ông **Nguyễn L1** có địa chỉ cư trú tại **khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**; bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông **L1** ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **Nguyễn L1** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại **Điều 228** của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 28/8/2020 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà L cho rằng do bất đồng quan điểm sống, ông L1 thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cuộc sống gia đình và có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà; đối với bị đơn ông L1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không đến để trình bày ý kiến cũng như để Tòa án hòa giải hàn gắn, cho thấy ông L1 đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà L và ông L1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên chấp nhận cho bà L được ly hôn ông L1 là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu T (giới tính: Nam), sinh ngày 05/7/2020. Hiện nay, con chung đang sống cùng ông L1; bà L đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông L1 nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu T đã hơn 36 tháng tuổi, khi vợ chồng ly thân thì cháu T sống chung với ông L1 nên đã ổn định môi trường sống. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ em, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho ông L1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do ông L1 không đến Tòa án trình bày ý kiến và yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết, ông L1 được quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Từ những căn cứ trên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, cho bà L được ly hôn với ông L1.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002160 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị L**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị L** ly hôn với ông **Nguyễn L1**.
2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Hữu T** (giới tính: **N**), sinh ngày 05 tháng 7 năm 2020 cho ông **Nguyễn L1** nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà **Phạm Thị L** không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Phạm Thị L** phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0002160** ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Phạm Thị L** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông **Nguyễn L1** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND phường VII, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P